TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Đức Dũng

2. Ông Đoàn Văn Hộ

- Thư ký phiên tòa: Ông Tống Văn Tài - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức T – sinh năm: 1986.

Trú tại: Ban chỉ huy quân sự huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn:* Bà Linh Thị P – sinh năm: 1988.

Trú tại: Tổ 03, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty TNHH thương mại và đầu tư S

Địa chỉ: Số nhà 085, tổ M, phố K, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nông Thị C - Giám đốc; Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 23/4/2019, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Linh Thị P kết hôn ngày 03/4/2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhưng do gia đình ông không đồng ý nên ông tự tổ chức cưới ở bên nhà trai, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, ông công tác tại Ban D, Phòng hậu cần, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng, còn bà P làm kế toán cho công ty C tại thành phố C.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 13/9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng ông có vay số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Cao Bằng thông qua hình thức thế chấp bằng lương của ông. Do hàng tháng ông phải trả lãi ngân hàng nên ông không thể đưa lương cho bà P trang trải cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ngoài ra mâu thuẫn còn bắt nguồn từ việc hai vợ chồng có tính cách trái ngược, bất đồng quan điểm sống. Ngày 13/9/2018 ông bị thuyên chuyển công tác vào Ban chỉ huy quân sự huyện H. Tại đơn vị mới, bà P gửi đơn khiếu nại đối với ông đến thủ trưởng đơn vị và ông phải viết bản cam kết ngày 04/5/2019. Việc làm đó của bà P đã ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của ông. Ngày 18/4/2019, ông có uống rượu và khi về nhà vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát dẫn đến việc Công an phường Tân Giang đến lập biên bản sự việc. Bà P đã đuổi ông ra khỏi nhà. Hai vợ chồng đã ly thân từ ngày 13/9/2018 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng hai bên gia đình nội ngoại, đơn vị công tác của ông cũng như bản thân vợ chồng đã hòa giải nhưng không mang lại kết quả. Tại phiên tòa, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và ông yêu cầu được ly hôn với bà P.

Về con chung: trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Linh H, sinh ngày 20/10/2015 (giới tính: nữ) và Nguyễn Linh G, sinh ngày 02/12/2016 (giới tính: nữ). Hiện cả hai con đang sống với mẹ. Từ khi hai cháu được sinh ra, ông ít có thời gian quan tâm, chăm sóc mà chủ yếu là mẹ các cháu. Tuy nhiên, ông vẫn đóng học phí, đưa đón các cháu đi học mỗi khi có thời gian. Do điều kiện công tác nên ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Linh H; còn cháu Nguyễn Linh G sẽ do bà P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng đối với con chung.

Về điều kiện kinh tế: hiện tại, ông đang công tác tại Ban chỉ huy quân sự huyện H, tỉnh Cao Bằng với mức lương là 7.825.700 đồng, sau khi trừ đi tiền ăn hàng tháng tại đơn vị ông được nhận số tiền là 5.717.884 đồng (theo bảng xác nhận mức lương ngày 30/5/2019 của Ban chỉ huy quân sự huyện H). Và do đặc thù công việc nên hiện ông đang ở tại đơn vị.

Về tài sản chung: tài sản chung của hai vợ chồng gồm có 01 căn nhà cấp 4 diện tích 60m^2 xây dựng trên đất của bà Bế Thị B (mẹ đẻ bà P) tại tổ 3, phường T, thành phố C, trị giá 350.000.000 đồng; 01 máy lọc nước Aikido 9 lõi TM; 01 tivi SS UA43M5503AK và 01 tủ gỗ công nghiệp 2 buồng. Đối với căn nhà cấp 4 hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với 01 máy

lọc nước Aikido 9 lõi TM; 01 tivi SS UA43M5503AK và 01 tủ gỗ công nghiệp 2 buồng ông sẽ để cho bà P sở hữu.

Về nợ chung:

+ Ngày 10/11/2016, hai vợ chồng vay số tiền 60.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 01.00601630/2016/HĐTD tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cao Bằng với thời hạn 36 tháng để xây nhà. Đối với khoản nợ này không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đối với khoản nợ 22.600.000 đồng mà bà P đã mua máy lọc nước, tivi, tủ gỗ tại Công ty TNHH thương mại và đầu tư S, ông đề nghị mỗi người có trách nhiệm thanh toán 1/2 số tiền này.

Tại bản tự khai ngày 30/5/2019, các lời khai trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Linh Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: điều kiện và thời gian kết hôn như ông T trình bày là chính xác, bà không bổ sung thêm. Trong cuộc sống hàng ngày, ông T là người thường xuyên rượu chè và khi rượu chè quá chén ông T không kiểm soát được hành động của bản thân dẫn đến hai vợ chồng cãi vã to tiếng và xô xát. Ông T bị kỷ luật tại đơn vị cũ và thuyên chuyển công tác vào huyện H từ ngày 13/9/2018. Khi chuyển công tác, ông T không thông báo cho bà và ngày càng trở nên sa đọa, không quan tâm chăm sóc các con, trốn tránh nghĩa vụ và trách nhiệm của một người bố. Từ khi kết hôn, vợ chồng cũng có những mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn vụn vặt của cuộc sống gia đình hàng ngày. Sau khi ông T chuyển công tác, một mình bà chăm sóc hai cháu nên bà đã xin nghỉ việc tại Công ty TNHH thương mại và đầu tư S vào ngày 31/12/2018. Do không có thu nhập mà ông T lại không đưa tiền sinh hoạt phí hàng tháng dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Ngày 07/4/2019, bà biết ông T có quan hệ ngoài hôn nhân và từ thời gian đó, ông T không về nhà và không hỏi thăm gia đình, vợ con. Bà không đuổi ông T ra khỏi nhà mà ông T tự đi. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa được gia đình hai bên hòa giải; đơn vị nơi ông T công tác có góp ý nhưng không đạt kết quả. Bà có gửi đơn khiếu nại đến đơn vị ông T công tác nhằm tìm kiếm sự giúp đỡ từ lãnh đạo đơn vị trong việc khuyên bảo ông T có trách nhiệm với gia đình cũng như các con. Đến thời điểm này bà thật sự mệt mỏi và tại phiên tòa bà nhất trí ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 02 người con chung như ông T trình bày là đúng. Từ khi hai cháu được sinh ra, bà là người chăm sóc các cháu, ông T là người bố không có trách nhiệm, không phụ giúp bà kinh tế trong việc nuôi con, ông T chỉ thỉnh thoảng đưa đón con lúc bà bận công việc. Ông T có việc làm ổn định nên bà sẽ để ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là Nguyễn Linh G và Nguyễn Linh H. Bà có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng (mỗi con 2.000.000 đồng/tháng) đến khi các con chung đủ tuổi trưởng thành.

Về điều kiện kinh tế: hiện tại, bà đang làm kế toán tại Công ty N chuyên về in ấn với thu nhập hàng tháng là 8.500.000 đồng. Ngoài ra, bà còn kinh

doanh bán hàng qua mạng. Bà và hai con đang sống tại ngôi nhà mà hai vợ chồng xây trên đất của mẹ bà là bà Bế Thị B tại tổ 3, phường T, thành phố C.

Về tài sản chung: tài sản chung của hai vợ chồng như ông T trình bày là đúng. Đối với căn nhà cấp 4 diện tích 60m^2 tại tổ 3, phường T, thành phố C hai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số tài sản gồm 01 máy lọc nước Aikido 9 lõi TM, 01 tivi SS UA43M5503AK, 01 tủ gỗ công nghiệp 2 buồng bà nhất trí với ý kiến của ông T.

Về nợ chung:

+ Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cao Bằng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ngày 18/01/2018, ngày 22/7/2018 bà có mua với Công ty TNHH thương mại và đầu tư S 01 máy lọc nước Aikido 9 lõi TM với giá 4.800.000 đồng; 01 tivi SS UA43M5503AK với giá 12.900.000 đồng và 01 tủ gỗ công nghiệp 2 buồng với giá 4.900.000 đồng. Những tài sản đó bà mua để phục vụ nhu cầu thiết yếu cuộc sống hàng ngày của gia đình. Tổng số tiền mua hàng tại công ty là 22.600.000 đồng. Đối với khoản nợ này, trong quá trình tòa án hòa giải bà và ông T đã thống nhất hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, ông T không thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên. Chính vì vậy, tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ chung này và bà nhất trí với ý kiến của ông T là mỗi người sẽ có trách nhiệm thanh toán 1/2 số tiền trên cho Công ty TNHH thương mại và đầu tư S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2019, bà Nông Thị C, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH thương mại và đầu tư S trình bày: bà Linh Thị P trước đây là kế toán của Công ty TNHH thương mại và đầu tư S. Tuy nhiên, hiện tại bà P đã nghỉ việc. Ngày 18/01/2018 và ngày 22/7/2018 bà P có mua với công ty 01 máy lọc nước Aikido 9 lõi TM với giá 4.800.000 đồng; 01 tivi SS UA43M5503AK với giá 12.900.000 đồng và 01 tủ gỗ công nghiệp 2 buồng với giá 4.900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 22.600.000 đồng. Số tiền trên công ty đã nhiều lần yêu cầu bà P thanh toán nhưng bà P vẫn chưa thanh toán. Với tư cách là đại diện theo pháp luật của công ty, bà yêu cầu bà Linh Thị P và ông Nguyễn Đức T cùng phải có trách nhiệm thanh toán cho công ty. Do điều kiện công việc nên bà không thể có mặt tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng để tham gia giải quyết vụ án từ giai đoạn hòa giải đến giai đoạn xét xử. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng trình bày:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định Điều 48,195, 196, 197, 198, 203, 239 và Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 .

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 48, Điều 49 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc gửi các văn bản cho cơ quan tiến hành tố tụng và việc tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng khác: đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan, được quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 147, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đức T đối với bà Linh Thị P. Về con chung, do hai bên đương sự đều có điều kiện ngang nhau nên cần giao cho mỗi người nuôi một con và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: đối với căn nhà cấp 4 diện tích 60m^2 xây dựng trên đất của bà Bế Thị B tại tổ 3, phường T, thành phố C, hai bên đương sự tự thỏa thuận nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết. Số tài sản chung gồm 01 máy lọc nước Aikido 9 lõi TM, 01 tivi SS UA43M5503AK, 01 tủ gỗ công nghiệp 2 buồng hai bên đương sự thống nhất để bà P được quyền sở hữu.

Về nợ chung: đối với số tiền vay 60.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Cao Bằng hai bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết. Đối với khoản nợ chung 22.600.000 đồng tại Công ty TNHH thương mại và đầu tư S, tại phiên tòa hai bên tự nguyện, thỏa thuận mỗi bên có trách nhiệm thanh toán số tiền 11.300.000 đồng nên cần buộc mỗi người có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: ông Nguyễn Đức T viết đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với bà Linh Thị P trú tại tổ 3, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đức T kết hôn với bà Linh Thị P năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố C. Như vậy, quan hệ

hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức T và bà Linh Thị P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Cả hai bên đương sự đều thừa nhận giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn và mâu thuẫn này xuất phát từ kinh tế gia đình. Ông T cho rằng ngoài mâu thuẫn trên hai vợ chồng còn bất đồng về cách sống, không cùng chung quan điểm. Bà P đã gửi đơn khiếu nại đến đơn vị nơi ông công tác làm ảnh hưởng đến danh dự cũng như uy tín của ông. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 13/9/2018 và trong khoảng thời gian đó không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Tại phiên tòa, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và ông yêu cầu được ly hôn với bà P. Bà P cho rằng trong cuộc sống hàng ngày, ông T là người không có trách nhiệm với gia đình. Ông T không đưa sinh hoạt phí hàng tháng cũng như phụ giúp bà chăm sóc hai con. Bên cạnh đó, ông T thường xuyên say rượu và khi không làm chủ được hành vi của bản thân thường có hành vi đập phá đồ đạc trong gia đình. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, cuộc hôn nhân giữa bà và ông T không thể tiếp tục. Tại phiên tòa, bà nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa ông T và bà P đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà P có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: ông Nguyễn Đức T và bà Linh Thị P có 02 con chung là Nguyễn Linh H, sinh ngày 20/10/2015 (giới tính: nữ) và Nguyễn Linh G, sinh ngày 02/12/2016 (giới tính: nữ). Hội đồng xét xử xét thấy cả hai bên đương sự đều có điều kiện kinh tế ngang nhau, chỗ ở và thu nhập ổn định. Hai cháu Nguyễn Linh H và Nguyễn Linh G còn nhỏ, cháu Nguyễn Linh G hiện dưới 36 tháng tuổi nên không thể giao cho ông T nuôi cả 02 cháu theo như ý kiến của bà P mà để san sẻ trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng con chung nên cần giao cho ông T nuôi dưỡng cháu H, bà P nuôi dưỡng cháu G, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung sẽ ổn định hơn về tư tưởng, tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của hai cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[5]. Về tài sản chung: đối với căn nhà cấp 4 diện tích 60m^2 xây dựng trên đất của bà Bế Thị B tại tổ 3, phường T, thành phố C, hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Đối với số tài sản chung gồm 01 máy lọc nước Aikido 9 lõi TM, 01 tivi SS UA43M5503AK, 01 tủ gỗ công nghiệp 2 buồng, ông T bà P thống nhất sẽ để bà P được sở hữu nên cần ghi nhận ý kiến này của các bên đương sự.

Về nợ chung:

+ Số tiền vay 60.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cao Bằng, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Đối với khoản nợ chung 22.600.000 đồng tại Công ty TNHH thương mại và đầu tư S: tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu về việc ly hôn và nuôi con,

không yêu cầu đối với khoản nợ chung 22.600.000 đồng nên Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đã thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình giữa ông T và bà P với quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa, bà P yêu cầu ông T phải có trách nhiệm đối với khoản nợ chung này bởi những tài sản này bà mua về nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày của gia đình. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đáng lẽ phải cho bà P nộp tiền tạm ứng án phí để có cơ sở xem xét, giải quyết đối với yêu cầu của bà P. Tuy nhiên, trong quá trình hòa giải hai bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi hòa giải, ông T không thực hiện theo thỏa thuận của hai bên về khoản nợ chung này nên tại phiên tòa bà P tiếp tục đưa ra yêu cầu giải quyết đối với số tiền 22.600.000 đồng. Để giải quyết dứt điểm vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đồng thời giải quyết yêu cầu chia khoản nợ chung này. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định lại là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Tại phiên tòa, ông T và bà P thống nhất mỗi người sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền 11.300.000 đồng cho Công ty TNHH thương mại và đầu tư S. Trong biên bản lấy lời khai đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phía đại diện của công ty cũng yêu cầu ông T, bà P phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Công ty TNHH thương mại và đầu tư S là có căn cứ chấp nhận nên cần buộc ông Nguyễn Đức T và bà Linh Thị P có trách nhiệm thanh toán số tiền trên cho công ty.

[6]. Về án phí: ông T, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 37, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Đức T được ly hôn bà Linh Thị P.

[2]. Về con chung: giao con chung là Nguyễn Linh H, sinh ngày 20/10/2015 (giới tính: nữ) cho ông Nguyễn Đức T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao con chung là Nguyễn Linh G, sinh ngày 02/12/2016 (giới tính: nữ) cho bà Linh Thị P trực tiếp

trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung:

+ Đối với căn nhà cấp 4 diện tích 60m^2 xây dựng trên đất của bà Bế Thị B tại tổ 3, phường T, thành phố C, hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Bà Linh Thị P được quyền sở hữu đối với số tài sản chung gồm: 01 (một) máy lọc nước Aikido 9 lõi TM; 01 (một) tivi SS UA43M5503AK; 01 (một) tủ gỗ công nghiệp 2 buồng.

Về nợ chung:

+ Đối với khoản nợ chung 60.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Cao Bằng, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

+ Ông Nguyễn Đức T và bà Linh Thị P có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty TNHH thương mại và đầu tư S số tiền 22.600.000 đồng (hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng) (ông Nguyễn Đức T có trách nhiệm thanh toán số tiền 11.300.000 đồng, bà Linh Thị P có trách nhiệm thanh toán số tiền 11.300.000 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Về án phí: ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cho việc xin ly hôn và 565.000 đồng (năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ chung về tài sản để sung công quỹ nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Đức T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2018/0000422 ngày 02/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Đức T còn phải nộp là 565.000 đồng (năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng). Bà Linh Thị P phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ chung về tài sản là 565.000 đồng (năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

[5]. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt tại phiên tòa có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- UBND phường Tân Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Nguyễn Quỳnh Mai